

MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 32
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Quản lý Đường sắt Thuận Hải được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thuận Hải theo Quyết định số 715/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4500139769 ngày 30 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thuận Hải thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4500139769 ngày 15 tháng 01 năm 2016 và thay đổi lần thứ 02 ngày 07 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng Đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông Đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông Đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông Đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ phòng nghỉ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Công Đông	Chủ tịch
Ông Lê Văn Hiệu	Ủy viên
Ông Lê Bá Tuấn Vũ	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Văn Hiệu	Giám đốc
Ông Lê Bá Tuấn Vũ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Cung	Phó Giám đốc
Ông Hà Mạnh Cương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tường	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 02 năm 2018



TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Lê Văn Hiệu

Số: 31./2018/BCKT-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải, được lập ngày 05 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

Kiểm toán viên



Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 / Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

Add: Room 12.8, M5 Building, 91 Nguyen Chi Thanh Str.,
Dong Da Dist., Hanoi / Tel: (84-4) 3244.40.44
Fax: (84-4) 3244.40.45 / Email: info@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.687.605.064	43.186.107.776
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.815.700.607	18.217.820.797
1.	Tiền	111	V.01	2.815.700.607	18.217.820.797
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.089.847.403	18.811.660.143
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	24.619.645.486	17.817.902.381
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	757.750.000	757.750.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	825.398.527	348.954.372
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(112.946.610)	(112.946.610)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		4.782.057.054	6.156.626.836
1.	Hàng tồn kho	141	V.06	4.782.057.054	6.156.626.836
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.488.122.345	13.477.665.654
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		27.500.000	27.500.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	27.500.000	27.500.000
II.	Tài sản cố định	220		10.681.016.572	11.313.685.894
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	10.681.016.572	11.313.685.894
	- Nguyên giá	222		21.058.116.750	20.358.116.750
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.377.100.178)	(9.044.430.856)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.779.605.773	2.136.479.760
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.779.605.773	2.136.479.760
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		46.175.727.409	56.663.773.430

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		26.471.327.242	37.386.160.105
I.	Nợ ngắn hạn	310		22.904.911.444	27.452.320.107
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	6.661.521.204	4.656.510.712
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	-	100.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.008.910.809	2.794.887.113
4.	Phải trả người lao động	314		10.363.446.244	10.427.915.872
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	105.000.000	105.000.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	3.397.612.564	7.891.744.414
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	-	740.374.498
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		368.420.623	735.887.498
II.	Nợ dài hạn	330		3.566.415.798	9.933.839.998
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.13	3.566.415.798	9.933.839.998
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.704.400.167	19.277.613.325
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	19.704.400.167	19.277.613.325
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.888.600.000	16.888.600.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.888.600.000	16.888.600.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		440.125.000	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.375.675.167	2.389.013.325
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.375.675.167	2.389.013.325
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		46.175.727.409	56.663.773.430

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Bùi Huy Thông

Nguyễn Hữu Tường

Lê Văn Hiệu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	91.136.052.040	114.451.557.784
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.136.052.040	114.451.557.784
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	76.684.395.241	99.127.259.891
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.451.656.799	15.324.297.893
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	510.978.436	381.347.889
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	-	41.895.000
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	41.895.000
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	11.914.781.565	12.714.945.170
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.047.853.670	2.948.805.612
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	326.092.300	207.489.297
12.	Chi phí khác	32	VI.06	316.567.202	138.968.991
13.	Lợi nhuận khác	40		9.525.098	68.520.306
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.057.378.768	3.017.325.918
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	681.703.601	628.312.593
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.375.675.167	2.389.013.325
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.407	1.061
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.407	1.061

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Huy Thông

Nguyễn Hữu Tường

Lê Văn Hiệu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		87.500.857.790	111.022.621.388
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(55.065.288.463)	(46.537.208.779)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(38.147.539.176)	(37.993.421.729)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	(41.895.000)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(405.676.887)	(697.117.594)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		576.630.634	154.124.780
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.320.994.524)	(15.630.015.582)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.862.010.626)	10.277.087.484
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(700.000.000)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		510.978.436	381.347.889
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(189.021.564)	381.347.889

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(5.400.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.351.088.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.351.088.000)	(5.400.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(15.402.120.190)	5.258.435.373
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.217.820.797	12.959.385.424
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.815.700.607	18.217.820.797

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Bùi Huy Thông

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Tường

Giám đốc



Lê Văn Hiệu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Năm 2017**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng Đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông Đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông Đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông Đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ phòng nghỉ.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	259.257.871	88.431.049
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.556.442.736	18.129.389.748
Cộng	<u>2.815.700.607</u>	<u>18.217.820.797</u>
02. Phải thu của khách hàng	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>24.619.645.486</i>	<i>17.817.902.381</i>
- Công ty CP Xây dựng công trình Trường Lộc	3.838.619.000	4.338.619.000
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	13.687.013.776	1.767.960.587
- Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh	-	4.327.104.000
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty công trình Đường sắt	3.020.726.000	5.020.726.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.073.286.710	2.363.492.794
Cộng	<u>24.619.645.486</u>	<u>17.817.902.381</u>
<i>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>16.853.807.160</i>	<i>12.190.492.471</i>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	13.687.013.776	1.767.960.587
- Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh	-	4.327.104.000
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty công trình Đường sắt	3.020.726.000	5.020.726.000
- Công ty Cổ phần công trình 6	146.067.384	1.074.701.884
Cộng	<u>16.853.807.160</u>	<u>12.190.492.471</u>
03. Trả trước cho người bán	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>757.750.000</i>	<i>757.750.000</i>
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	757.750.000	757.750.000
Cộng	<u>757.750.000</u>	<u>757.750.000</u>

11/2014/CT-ĐT-V

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	825.398.527	-	348.954.372	-
- Tạm ứng	485.875.509	-	54.992.979	-
- Phải thu khác	339.523.018	-	293.961.393	-
+ Chi hệ BHXH Ninh Thuận	42.182.661	-	28.968.844	-
+ Các khoản phải thu khác	297.340.357	-	264.992.549	-
b. Dài hạn	27.500.000	-	27.500.000	-
+ Kỳ quỹ, ký cược dài hạn	27.500.000	-	27.500.000	-
Cộng	852.898.527	-	376.454.372	-

05. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ban Quản lý dự án giao thông huyện Tuy Phong	89.613.214	-	89.613.214	-
- Công ty Cổ phần nước và Môi trường TP. HCM	23.333.396	-	23.333.396	-
Cộng	112.946.610	-	112.946.610	-

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.497.491.408	-	4.816.057.024	-
- Công cụ, dụng cụ	71.851.974	-	138.628.307	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.212.713.672	-	1.201.941.505	-
Cộng	4.782.057.054	-	6.156.626.836	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.235.928.772	2.764.342.305	5.099.581.855	89.531.818	168.732.000	20.358.116.750
- Mua trong năm	-	700.000.000	-	-	-	700.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	12.235.928.772	3.464.342.305	5.099.581.855	89.531.818	168.732.000	21.058.116.750
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.615.062.820	1.740.561.296	3.480.824.886	70.887.102	137.094.752	9.044.430.856
- Khấu hao trong năm	512.046.930	283.100.988	519.351.504	7.624.148	10.545.752	1.332.669.322
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.127.109.750	2.023.662.284	4.000.176.390	78.511.250	147.640.504	10.377.100.178
III. Giá trị còn lại						
I. Tại ngày đầu năm	8.620.865.952	1.023.781.009	1.618.756.969	18.644.716	31.637.248	11.313.685.894
2. Tại ngày cuối năm	8.108.819.022	1.440.680.021	1.099.405.465	11.020.568	21.091.496	10.681.016.572

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
08. Chi phí trả trước		
<i>Dài hạn</i>	1.779.605.773	2.136.479.760
- Giá trị lợi thế kinh doanh	1.731.589.842	1.948.038.572
- Giá trị còn lại công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	48.015.931	188.441.188
Cộng	1.779.605.773	2.136.479.760

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
09. Phải trả người bán				
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>	6.661.521.204	6.661.521.204	4.656.510.712	4.656.510.712
- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng đường sắt Phía Nam	391.704.700	391.704.700	459.571.200	459.571.200
- Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Bình	652.718.715	652.718.715	762.873.689	762.873.689
- Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh	186.470.000	186.470.000	1.128.932.000	1.128.932.000
- Nguyễn Ngọc Sơn – Đội QLĐS Sông Mao	608.906.093	608.906.093	463.279.528	463.279.528
- Nguyễn Văn Dũng – XNXDCT & KDDV	1.386.563.924	1.386.563.924	595.252.387	595.252.387
- Công ty CPTM và Tư vấn Tân Cơ	2.591.930.000	2.591.930.000	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	843.227.772	843.227.772	1.246.601.908	1.246.601.908
Cộng	6.661.521.204	6.661.521.204	4.656.510.712	4.656.510.712

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	839.188.715	839.188.715	2.035.156.689	2.035.156.689
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	652.718.715	652.718.715	762.873.689	762.873.689
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	186.470.000	186.470.000	1.128.932.000	1.128.932.000
- Công ty Cổ phần Tín hiệu đường sắt Sài Gòn	-	-	143.351.000	143.351.000
Cộng	839.188.715	839.188.715	2.035.156.689	2.035.156.689

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
			100.000.000	100.000.000
	-	-	100.000.000	100.000.000
Cộng	-	-	100.000.000	100.000.000

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xây dựng Sumpro

Cộng**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	2.683.432.055	5.761.143.522	6.899.689.185	6.899.689.185	-	-	-	1.544.886.392	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	91.328.257	689.067.895	405.676.887	405.676.887	-	-	-	374.719.265	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	20.126.801	124.830.032	55.651.681	55.651.681	-	-	-	89.305.152	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	158.440.098	158.440.098	158.440.098	-	-	-	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	1.689.138	1.689.138	1.689.138	-	-	-	-	-
Cộng	-	2.794.887.113	6.738.170.685	7.524.146.989	7.524.146.989	-	-	-	2.008.910.809	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	105.000.000	105.000.000
- Trích trước chi phí khác	105.000.000	105.000.000
Cộng	105.000.000	105.000.000

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	3.397.612.564	7.891.744.414
- Kinh phí công đoàn	14.128.900	3.672.632
- Bảo hiểm xã hội	425.945.400	-
- Bảo hiểm y tế	50.164.612	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	33.403.360	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	148.557.656
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.873.970.292	7.739.514.126
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Quản lý điều hành	536.297.953	4.251.083.763
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chênh lệch vốn điều lệ	-	737.535.766
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Dự án máy Pháp	1.814.932.702	1.914.532.940
+ Các đối tượng khác	522.739.637	836.361.657
<i>b. Dài hạn</i>	3.566.415.798	9.933.839.998
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.566.415.798	9.933.839.998
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - tiền ray áo	3.566.415.798	9.933.839.998
Cộng	6.964.028.362	17.825.584.412

14. Dự phòng phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	-	740.374.498
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	740.374.498
Cộng	-	740.374.498

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
 Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	16.888.600.000	-	-	16.888.600.000
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	2.389.013.325	2.389.013.325
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	16.888.600.000	-	2.389.013.325	19.277.613.325
Số dư đầu năm nay	16.888.600.000	-	2.389.013.325	19.277.613.325
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	2.375.675.167	2.375.675.167
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)	-	440.125.000	(2.389.013.325)	(1.948.888.325)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	16.888.600.000	440.125.000	2.375.675.167	19.704.400.167

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 04-17/NQ-DHDCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải. Cụ thể như sau:

	Số tiền
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	440.125.000
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	477.800.325
- Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	120.000.000
- Trích cổ tức chi trả	1.351.088.000
Tổng phân phối lợi nhuận	2.389.013.325

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.892.600.000	64,5%	10.892.600.000	64,5%
- Các cổ đông khác (Chủ sở hữu khác)	5.996.000.000	35,5%	5.996.000.000	35,5%
Cộng	16.888.600.000	100%	16.888.600.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	16.888.600.000	16.888.600.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	16.888.600.000	16.888.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.351.088.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.688.860	1.688.860
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.688.860	1.688.860
+ Cổ phiếu phổ thông	1.688.860	1.688.860
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.688.860	1.688.860
+ Cổ phiếu phổ thông	1.688.860	1.688.860
+ Cổ phiếu ưu đãi	1.688.860	1.688.860

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	82.504.677.379	84.543.568.264
- Doanh thu hoạt động xây lắp	8.631.374.661	29.907.989.520
Cộng	91.136.052.040	114.451.557.784

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	83.812.361.016	85.780.140.524
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	-	1.009.863.636
- Công ty Cổ phần Công trình 6	2.766.492.728	3.139.932.728
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty công trình Đường sắt	-	7.705.631.728
- Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực 3	390.620.909	8.938.160.909
Cộng	86.969.474.653	106.573.729.525
02. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn cung cấp dịch vụ công ích	69.125.419.906	69.784.332.948
- Giá vốn hoạt động xây lắp	7.558.975.335	29.342.926.943
Cộng	76.684.395.241	99.127.259.891
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	510.978.436	381.347.889
Cộng	510.978.436	381.347.889
04. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	-	41.895.000
Cộng	-	41.895.000
05. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu tiền hỗ trợ thu hồi đất	-	95.029.607
- Hoàn nhập trích lập bảo hành	264.508.538	-
- Các khoản khác	61.583.762	112.459.690
Cộng	326.092.300	207.489.297
06. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản chi phí khác	316.567.202	138.968.991
Cộng	316.567.202	138.968.991

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	11.914.781.565	12.714.945.170
- Chi phí nhân viên quản lý	6.616.507.422	7.001.312.116
- Chi phí vật liệu quản lý	471.614.406	558.264.356
- Chi phí đồ dùng văn phòng	120.430.909	519.364.254
- Chi phí khấu hao TSCĐ	290.659.330	290.659.330
- Thuế, phí và lệ phí	85.247.545	57.322.584
- Chi phí dự phòng	-	112.946.610
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.059.497.657	969.725.634
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.270.824.296	3.205.350.286
Cộng	11.914.781.565	12.714.945.170

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	681.703.601	628.312.593
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	681.703.601	628.312.593

(*): Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.057.378.768	3.017.325.918
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	351.139.243	124.237.047
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.408.518.011	3.141.562.965
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	681.703.601	628.312.593

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.375.609.167	2.389.013.325
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.375.609.167	2.389.013.325
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	597.800.325
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.688.860	1.688.860
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.407	1.061

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.375.609.167	2.389.013.325
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.375.609.167	2.389.013.325
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	597.800.325
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.688.860	1.688.860
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.407</u>	<u>1.061</u>

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.547.251.654	32.805.999.146
- Chi phí nhân công	49.498.174.550	50.518.786.418
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.332.669.322	1.188.500.656
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.845.586.287	8.273.393.464
- Chi phí khác bằng tiền	5.386.333.160	5.746.101.071
- Chi phí dự phòng	-	853.321.108
Cộng	<u>90.610.014.973</u>	<u>99.386.101.863</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.164.668.778	1.870.111.524
Cộng	<u>2.164.668.778</u>	<u>1.870.111.524</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
- Xi nghiệp Vật tư Tổng hợp Vinh – Nghệ An	Thành viên của Công ty mẹ
- Ban Quản lý Cơ sở hạ tầng Đường sắt khu vực 3	Thành viên của Công ty mẹ
- Xi nghiệp Vận dụng toa xe hàng Sài Gòn	Thành viên của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Phú Khánh	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	Công ty mẹ nắm giữ 48,04% vốn điều lệ

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
- Trích nộp kinh phí, thuê nhà cung cầu đường	279.274.824	1.665.725.865
- Trả cổ tức	871.408.000	-
- Điều chỉnh giảm chi phí giá ray	367.424.200	1.569.853.400
- Chi phí thuê máy móc, thiết bị	1.814.932.702	1.914.532.940

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.09, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
- Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.351.230.655	6.903.152.469
- Phải trả, phải nộp dài hạn khác	3.566.415.798	9.933.839.998
Công nợ phải trả	5.917.646.453	16.836.992.467

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình Đường sắt, đường bộ...
- Dịch vụ: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn Đường sắt, dịch vụ phòng nghỉ, cho thuê sân thể thao, bán vé tàu hỏa,

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

H
Y
T
M
A
C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Dịch vụ	Xây dựng	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Năm trước			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	84.543.568.264	29.907.989.520	114.451.557.784
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	78.925.914.738	32.576.837.434	111.502.752.172
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	5.617.653.526	(2.668.847.914)	2.948.805.612
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	596.356.258	51.774.742	648.131.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	877.926.769	310.573.887	1.188.500.656
Số dư cuối năm trước			
- Tài sản thực tiếp của bộ phận	33.984.980.084	4.460.972.549	38.445.952.633
- Tài sản không phân bổ			18.217.820.797
Tổng tài sản	33.984.980.084	4.460.972.549	56.663.773.430
- Nợ phải trả bộ phận	29.622.243.694	7.028.028.913	36.650.272.607
- Nợ phải trả không phân bổ			735.887.498
Tổng nợ phải trả	29.622.243.694	7.028.028.913	37.386.160.105

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.815.700.607	-	18.217.820.797	-	2.815.700.607	18.217.820.797
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.959.168.504	(112.946.610)	18.111.863.774	(112.946.610)	24.846.221.894	17.998.917.164
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	27.774.869.111	(112.946.610)	36.329.684.571	(112.946.610)	27.661.922.501	36.216.737.961

Giá trị sổ sách

Số cuối năm	Số đầu năm
6.661.521.204	6.661.521.204
105.000.000	105.000.000
6.440.386.090	6.440.386.090
13.206.907.294	13.206.907.294

Giá trị hợp lý

Số cuối năm	Số đầu năm
4.656.510.712	4.656.510.712
-	-
105.000.000	105.000.000
17.673.354.124	17.673.354.124
22.434.864.836	22.434.864.836

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán

Vay và nợ

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả khác

Cộng

6.661.521.204	4.656.510.712	6.661.521.204	4.656.510.712
-	-	-	-
105.000.000	105.000.000	105.000.000	105.000.000
6.440.386.090	17.673.354.124	6.440.386.090	17.673.354.124
13.206.907.294	22.434.864.836	13.206.907.294	22.434.864.836

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	6.661.521.204	-		6.661.521.204
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	105.000.000	-		105.000.000
Các khoản phải trả khác	2.873.970.292	3.566.415.798		6.440.386.090
Cộng	9.640.491.496	3.566.415.798	-	13.206.907.294
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	4.656.510.712	-	-	4.656.510.712
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	7.739.514.126	9.933.839.998	-	17.673.354.124
Cộng	12.501.024.838	9.933.839.998	-	22.434.864.836

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Nô 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Huy Thông

Nguyễn Hữu Tường

Lê Văn Hiệu